UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 34058 /QĐ - SNV

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai dự toán thu, chi NSNN năm 2026

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 59/2025/QĐ-UBND ngày 01/7/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 33655/QĐ-SNV ngày 22/12/2025 của Sở Nội vụ về việc bổ sung dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Chánh văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026 - Nguồn ngân sách địa phương theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính, Thủ trưởng các phòng thuộc Sở chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Sở Tài chính;
- Cổng thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, VP.

TL. GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG

SỞ NỘI VỤ

Bùi Văn Nam

ĐƠN VỊ: VĂN PHÒNG SỞ NỘI VỤ THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
MÃ QHNS: 1134361

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số: 3498 /QĐ- SNV ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Sở Nội vụ thành phố Hải Phòng)

Đơn vị tính; đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách, lệ phí**	
I	**Số thu phí, lệ phí**	
1	Lệ phí	
2	Phí	
II	**Chi từ nguồn thu phí để lại**	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
III	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ**	
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ kho học công nghệ	
2	Phí	
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**120,957,000,000**
I	**Nguồn ngân sách nhà nước**	**120,957,000,000**
1	**Chi quản lý hành chính**	**44,587,000,000**
a	**Kinh phí thường xuyên giao tự chủ**	**29,283,000,000**
-	Quỹ lương	22,438,000,000
-	Chi thường xuyên theo định mức	5,805,000,000
-	Khoán chi, khoán xe ô tô theo định mức	1,040,000,000
b	**Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ**	**15,304,000,000**
b.1	**Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP**	**1,478,000,000**
b.2	**Chi chuyên môn nghiệp vụ**	**4,902,000,000**
-	Công tác nội bộ khác: Xây dựng quy chế dân chủ, quy trình ISO, thi đua khen thưởng; công tác văn thư lưu trữ, in ấn phô tô tài liệu các cuộc họp sơ kết tổng kết ngành, lĩnh vực; cước gửi công văn; mua văn phòng phẩm, công tác CCHC nội bộ Sở	405,000,000
-	Thuê máy chủ, phục vụ vận hành bảo trì quản trị phần mềm văn phòng điện tử, nâng cấp các phần mềm ứng dụng; sửa chữa thiết bị tin học hệ thống mạng.	180,000,000
-	Chỉnh lý tài liệu các phòng chuyên môn, tài liệu kế toán	900,000,000
-	Nghiệp vụ công tác tiếp dân; xử lý đơn thư	70,000,000
-	Hỗ trợ diệt mối tài liệu	45,000,000
-	Tăng cường tập huấn nghiệp vụ (bảo trì phần mềm KT, phần mềm tổng hợp)	20,000,000
-	Công tác quản lý công chức viên chức	200,000,000
-	Thi công chức, viên chức	1,910,000,000

-	Công tác xây dựng chính quyền, địa giới hành chính, công tác thanh niên	360,000,000
-	Công tác Tổ chức Biên chế và TCPCP; chi các cuộc họp, hội thảo, phô tô tài liệu cước gửi công văn, mua vật tư văn phòng phẩm; thuê xe các đoàn thanh tra kiểm tra về các lĩnh vực đề án vị trí việc làm, công tác cán bộ, tổ chức bộ máy, biên chế, công tác Hội; tiền làm thêm giờ xây dựng các đề án biên chế, tổ chức sắp xếp bộ máy	225,000,000
-	Hỗ trợ các hội cựu tù chính trị	50,000,000
-	Công tác CCHC và pháp chế; Chi in ấn tài liệu, văn phòng phẩm, vật tư phục vụ công tác chuyên môn; phần mềm tra cứu văn bản quy phạm pháp luật, xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nhiệm vụ về công tác CCHC và PC (các nhiệm vụ không có trong Kế hoạch CCHC của TP)	117,000,000
-	Hội nghị tổng kết Đề án giải quyết tài liệu tồn đọng; triển khai Luật Lưu trữ, xây dựng Đề án giải quyết tài liệu tồn đọng; các cuộc họp, hội nghi hội thảo, thẩm định tài liệu hết giá trị; tiền làm thêm giờ; mua vật tư văn phòng phẩm, Thông tin liên lạc, cước gửi công văn, phí duy trì, bảo dưỡng phần mềm, Thuê xe các đoàn kiểm tra công tác văn thư lưu trữ; MSSC	400,000,000
-	Cấp lại hành nghề lưu trữ (VPP)	20,000,000
b.3	**Chương trình, nhiệm vụ, đề tài, đề án**	**2,818,000,000**
-	Kinh phí thực hiện sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã theo NQ của Ủy ban thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn đơn vị hành chính cấp xã	1,800,000,000
-	Chỉnh lý tài liệu của các dự án đã hoàn thành (đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025; Đề án tổ chức chính quyền đô thị thành phố Hải phòng; Dự án 513; Đề án sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025)	1,018,000,000
b.4	**Dự phòng nhiệm vụ phát sinh**	**6,106,000,000**
2	**Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**	**0**
3	**Chi sự nghiệp giáo dục đào tạo**	**0**
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**	
5	**Chi Bảo đảm xã hội**	**67,370,000,000**
5.1	**Chi công tác người có công (L370-K371)**	**62,000,000,000**
a	**Kinh phí thường xuyên giao tự chủ**	
b	**Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ**	**62,000,000,000**
	Chương trình, nhiệm vụ, đề tài, đề án	**62,000,000,000**
	Quà cho đối tượng chính sách theo Nghị quyết số 05/2023/NQ-HĐND ngày 18/7/2023 quy định nội dung, mức tặng quà của thành phố hàng năm tới các đối tượng nhân dịp Tết Nguyên đán; Ngày thương binh liệt sỹ 27/7; Ngày Quốc khánh 2/9	62,000,000,000
5.2	**Chi sự nghiệp đảm bảo xã hội (L370-K398)**	**5,370,000,000**
a	**Kinh phí thường xuyên giao tự chủ**	
b	**Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ**	**5,370,000,000**
	Chương trình, nhiệm vụ, đề tài , đề án	**5,370,000,000**
-	Bảo vệ, chăm sóc, duy tu Đài liệt sĩ, Đài tưởng niệm thành phố	2,970,000,000

-	Duy tu bảo dưỡng phần mộ liệt sĩ Hải Phòng tại Đường 9 Quảng Trị và nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn	2,400,000,000
6	**Chi hoạt động kinh tế (L280-K338)**	**9,000,000,000**
a	**Kinh phí thường xuyên giao tự chủ**	
b	**Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ**	**9,000,000,000**
	Chương trình, nhiệm vụ, đề tài , đề án	9,000,000,000
-	Kinh phí xây dựng nhiệm vụ "Lập mới hồ sơ địa giới đơn vị hành chính các cấp của thành phố Hải Phòng sau sắp xếp đơn vị hành chính"	9,000,000,000
II	**Chi vốn viện trợ**	**0**